

Bài tham luận của **GS. Keyuan Zou, Khoa Luật, Đại học Trung tâm Lancashire, Vương quốc Anh** bàn về địa
vị pháp lý của các đảo nhân tạo tại
quần
đảo Trường Sa, và ảnh hưởng của nó đến tranh chấp Biên giới, đặc
biệt là các tranh luận pháp lý trong tương lai.

[PDF file](#)



TÓM LƯỢC

Hiện nay, các vấn đề xoay quanh đảo nhân tạo của đảo Trường Sa đang bàn thảo công khai nhiều trong bối cảnh các cuộc tranh chấp lãnh thổ và biển. Ngay cả trong luật quốc tế, khái niệm “đảo nhân tạo” vẫn còn gây nhiều tranh cãi và chưa có bất kỳ định nghĩa nào về đảo nhân tạo được chấp nhận rộng rãi mặc dù hàng loạt các điều khoản trong Công ước Luật Biển của Liên Hợp Quốc 1982 có đề cập tới khái niệm này. Với sự phát triển của khoa học công nghệ và các quốc gia dân tộc ngày càng mở rộng chiếm giữ nhiều không gian tự do dõng hân, thì vấn đề đảo nhân tạo càng trở nên nổi bật.

Bài tham luận này sẽ
thảo luận về vấn đề này

t
góc đ
luật pháp quốc tế
, đặc biệt
liên hệ với
quần
đảo Trường Sa
và nhóm khơi d
các cuộc
tranh
luận thêm v
vấn đề này
trong tương lai.

GIỚI THIỆU

Rất khó để có câu trả lời thỏa đáng cho câu hỏi đạo nhân tố có tác động tới tranh chấp quần đảo Trường Sa như thế nào và ở mức độ nào. Cũng có thể có những hoài nghi là liệu đạo nhân tố có thật sự tồn tại ở Biển Đông hay không. Nếu có, những đạo nhân tố này là gì? Bài tham luận này sẽ giới thiệu luận về đạo nhân tố từ khía cạnh luật pháp quốc tế. Mặc dù thuật ngữ đạo nhân tố có thể bao gồm cả các cấu trúc và thiết lập nhân tố như dàn khoan dầu hay cả sự nuôi trồng thủy sản (ví dụ như các dàn khoan đã có hay không còn được sự đồng thuận đôi khi có thể được dùng như các nhân tố để nuôi trồng thủy sản) [\[1\]](#) nhưng bài tham luận này chủ yếu chỉ đề cập tới môi trường nhân tố mà thôi.

Có rất ít vấn đề trong luật quốc tế giải thích rõ về đạo nhân tố. Đáng nhớ nhất về vấn đề liên quan tới đạo nhân tố đã bị lãng quên khi Công ước Luật Biển của Liên Hợp Quốc năm 1982 (UNCLOS) được thông qua. Nếu chúng ta nhớ lại, thì trong những năm 1970 và 1980, đã có những bài báo và sách viết về lĩnh vực này [\[2\]](#), thậm chí trong Hội nghị lần thứ ba của Liên Hợp Quốc về Luật Biển (UNCLOS III), một số quốc gia cũng đã đề trình đề xuất liên quan tới đạo nhân tố

[3]

. Trong nḥng n̄m ḡn đ̄y, v̄n đ̄ đ̄o nhân ṭo đ̄ng nh̄ đ̄ng nóng tr̄ l̄i, đ̄c bīt trong b̄i c̄nh c̄a khu v̄c ãng Á. V̄i nḥng tīn b̄ c̄a loài nḡi, s̄ phát trīn c̄a khoa h̄c công ngh̄, áp l̄c t̄ vīc gia t̄ng dân s̄ ch̄a t̄ng có và ngày càng nhīu hōt đ̄ng t̄ng c̄ng c̄a con nḡi ã bīn, thì v̄n đ̄ đ̄o nhân ṭo đ̄ng nh̄ tr̄ nên càng quan tr̄ng h̄n. Vīc xây đ̄ng các đ̄o nhân ṭo liên quan t̄i ch̄ quȳn qūc gia, quȳn tài phán bīn, phân đ̄nh biên gīi bīn, khai thác và s̄ đ̄ng tài nguyên thiên nhiên bīn mà n̄u không đ̄c gīi quȳt đ̄ng cách, có th̄ tr̄ thành m̄t đ̄m nóng m̄i trong tranh cḥp và xung đ̄t qūc t̄.

Đ̄O NHÂN ṬO TRONG LŪT QŪC T̄

Trong khi đ̄o nhân ṭo rõ ràng do con nḡi t̄o nên, nḥng trong l̄ch s̄ c̄a lūt pháp qūc t̄, thūt nḡ c̄ng nh̄ quy ch̄ pháp lý c̄a nó ch̄a bao gī đ̄c xác đ̄nh rõ ràng, đôi khi đ̄c coi là đ̄o t̄ nhiên hōc đôi khi l̄i là tàu. Ví d̄, theo Gidel, đ̄o nhân ṭo có th̄ đ̄c coi là đ̄o t̄ nhiên mīn là chúng th̄a m̄n các đ̄u kīn sau: bao quanh là n̄c, v̄nh vīn n̄i trên b̄ m̄t bīn khi th̄y trīu lên và các đ̄u kīn t̄ nhiên đ̄ xây đ̄ng đ̄o có th̄ cho phép con nḡi sinh s̄ng. Ngoài ra, đ̄o nhân ṭo còn ph̄i là các đ̄o đ̄c hình thành theo công th̄c t̄ nhiên nh̄ các l̄p b̄i tích v̄i s̄ tr̄ giúp c̄a con nḡi [4]. Cách nhìn nh̄n đ̄o nhân ṭo nh̄ các con tàu có th̄ b̄t ngūn t̄ m̄t báo cáo c̄a Hội đ̄ng Hội Qūc Liên n̄m 1927, trong đó nói r̄ng nḥng đ̄o đ̄c con nḡi t̄o ra và neo đ̄u t̄i đ̄y bīn mà không c̄n k̄t n̄i c̄ đ̄nh v̄i đ̄y bīn, nḥng đ̄c s̄ đ̄ng nh̄ là m̄t c̄ s̄ thīt l̄p ãn đ̄nh cho doanh nghīp đ̄ phát trīn giao thông v̄n t̄i... thì lōi đ̄o h̄ c̄u này ph̄i đ̄c xem nh̄ là tàu đang đi trên bīn

[5]

.
Chúng ta ph̄i th̄a nh̄n r̄ng đ̄o nhân ṭo c̄ng có m̄t s̄ đ̄c đ̄m c̄a c̄ tàu và đ̄o t̄ nhiên, nḥng vīc phân lōi đ̄o nhân ṭo là tàu hay đ̄o t̄ nhiên c̄ng đ̄u là không h̄p lý. N̄u chúng ta xem xét l̄i đ̄nh ngh̄a v̄ tàu và đ̄o t̄ nhiên,

chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy sự khác biệt giữa chúng và đạo nhân tạo.

Như đã biết, UNCLOS không hề có định nghĩa về “tàu”. Nếu chúng ta nhìn lại, trong những năm 1950, ông Francois- báo cáo viên đặc biệt đã đề xuất một định nghĩa về “tàu”, là “một thiết bị có khả năng vượt biển nhưng không phải là trên không với các trang thiết bị và thuyền viên phù hợp với mục đích mà nó được sử dụng” tại Ủy ban Luật pháp Quốc tế trong thời gian đàm phán các Công ước Geneva về luật biển

[6]

. Tuy nhiên, đề xuất định nghĩa này cuối cùng đã bị Ủy ban Luật pháp Quốc tế xóa bỏ vào năm 1955. Công ước Luật Biển và sau cùng theo thông lệ này và chế định nghĩa thuật ngữ “tàu chiến”

[7]

. Tuy vậy, một số điều ước quốc tế khác cũng đã định nghĩa về “tàu”. Ví dụ, Công ước Quốc tế về Ngăn ngừa ô nhiễm từ các con tàu năm 1973 đã định nghĩa “tàu” là “bất kỳ loại phương tiện nào hoạt động trong môi trường biển, bao gồm tàu cánh ngầm, các phương tiện hải dương, tàu ngầm, tàu nổi và các nền tảng cố định hoặc thả nổi khác”

[8]

Như chúng ta có thể thấy, định nghĩa này bao gồm các nền tảng cố định hoặc thả nổi mà cũng có thể được xếp loại là đạo nhân tạo.

Một định nghĩa khác liên quan tới đụn đảo nhân tạo là định nghĩa về “đảo”. Theo Công ước Luật Biển, “đảo” “là một mảnh đất được hình thành tự nhiên, bao quanh là nước và nổi trên mặt nước khi thủy triều lên”. [9] Định nghĩa này bao gồm một số yếu tố quan trọng: một mảnh đất, hình thành tự nhiên, bao quanh là nước và nổi trên mặt biển khi thủy triều lên. Tuy nhiên, Công ước này không giải thích rõ một mảnh đất bao quanh là nước và nổi trên mặt nước khi thủy triều lên là một đảo nào có thể được coi là đảo. Trong thực tiễn Nhà nước, một số quốc gia sử dụng thuật ngữ “đảo” với ý nghĩa rất rộng. Ví dụ như Nhật Bản gọi “Okinotori” là “shima”

(nghĩa là đảo trong tiếng Nhật) và Trung Quốc dùng từ

“qundao”

(nghĩa là quần đảo hoặc nhóm đảo trong tiếng Trung Quốc) để đặt tên cho tất cả

các điểm đất, thậm chí kể cả một số điểm ở dãi nấc vịnh biển, chẳng hạn như Bãi ngầm Macclesfield ở Biển Đông. Mặc dù định nghĩa “đào” trong Công ước Luật Biển vẫn để ngỏ cho các cuộc bàn thảo và tranh luận thêm, nhưng nó vẫn được công định quốc tế chấp nhận rộng rãi.

Sau khi xem xét các khía cạnh về mặt định nghĩa của “tàu” và “đào”, chúng ta sẽ chuyển sang xem xét bốn chế độ pháp lý của đạo nhân tạo. Vì Công ước Luật Biển không định nghĩa về đạo nhân tạo nên giới hạn giới ngành luật pháp quốc tế đã công định định nghĩa “đạo nhân tạo”. *Bách khoa toàn thư Công pháp quốc tế* đã định nghĩa đạo nhân tạo là một nền tảng cố định vĩnh viễn hoặc tạm thời do con người tạo nên, bao quanh là nước và nổi trên mặt nước trên khi thủy triều lên

[\[10\]](#)

. Theo Soons, đạo nhân tạo là những cấu trúc được tạo ra bằng cách đặt/đổ lên các vật chất tự nhiên như sỏi, cát và đá; trong khi đó các công trình lập đất nhân tạo lại là những cấu trúc bê tông cố định gắn với đáy biển bằng ống dẫn và các cọc

[\[11\]](#)

. Hai định nghĩa hạn chế thuật ngữ này có một số ý nghĩa pháp lý, nhưng không thể bao trùm hết tất cả các loại đạo nhân tạo và công trình lập đất nhân tạo. Theo tính toán của Papadakis, có rất nhiều loại đạo nhân tạo như (1) thành phố trên biển (cố định hoặc nổi), (2) đạo nhân tạo phục vụ phát triển kinh tế, chẳng hạn như đê biển và khai thác tài nguyên thiên nhiên, đạo nhân tạo công nghiệp, đạo nhân tạo phục vụ đánh bắt cá, các công trình xây lập nhân tạo để phát triển các nguồn lực phi tự nhiên như cầu hầm hoặc kho bãi, nhà máy điện; (3) các công trình nhân tạo phục vụ giao thông vận tải, chẳng hạn như bến tàu nổi, nhà kho, sân bay nổi; (4) các công trình phục vụ nghiên cứu khoa học và dự báo thời tiết; (5) các công trình phục vụ giải trí; và (6) các căn cứ quân sự

[\[12\]](#)

. Nếu nhìn vào từng phân loại một, chúng ta có thể dễ dàng thấy rằng tình trạng pháp lý của chúng khác nhau. Đây là một trong những lý do tại sao không có một định nghĩa nào về đạo nhân tạo trong Công ước Luật Biển và do đó Công ước đã đặt giới hạn là né tránh những phức tạp nảy sinh từ việc định nghĩa đạo nhân tạo. Nhưng mặt khác, những kẻ hèn lười trong Công ước Luật Biển vẫn làm phức tạp việc liên quan đến quy chế pháp lý của đạo nhân tạo.

Mặc dù Công ước Luật Biển không có một định nghĩa nào về đảo nhân tạo, nhưng lại có hàng loạt các điều khoản áp dụng cho đảo nhân tạo. Theo luật, Công ước Luật Biển cho phép các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia ven biển, được quyền xây dựng đảo nhân tạo và quyền tài phán đối với các đảo này. Rõ ràng các quốc gia ven biển có quyền xây dựng các đảo và các thiết lập nhân tạo trong vùng lãnh hải của mình. Trong vùng đặc quyền kinh tế (EEZ), một quốc gia ven biển có “được quyền xây dựng và cho phép công nghệ quy định việc xây dựng, vận hành và sử dụng: (a) đảo nhân tạo; (b) các thiết lập và cấu trúc phục vụ các mục đích quy định tại Điều 56 và các mục đích kinh tế khác; (c) các thiết lập và cấu trúc có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện các quyền của quốc gia ven biển đó trong khu vực” [13]. Trong khi quốc gia ven biển được hưởng quyền tài phán hoàn toàn đối với đảo, các thiết lập và cấu trúc nhân tạo, bao gồm cả thẩm quyền về hải quan, tài chính, y tế, an toàn và các quy định và luật lệ di trú

[14]

thì nước này cũng cần đưa ra thông báo hợp lý về việc xây dựng đảo nhân tạo này cũng như duy trì phòng tuyến trong dài hạn để cảnh báo và sự hiện diện của các đảo này. Hơn nữa, “nếu cần thiết, các quốc gia ven biển có thể thiết lập vùng an toàn thích hợp xung quanh các đảo, thiết lập và cấu trúc nhân tạo mà trong đó, có thể thực hiện các biện pháp thích hợp để đảm bảo an toàn cho cả hàng hải lẫn các đảo, các thiết lập và cấu trúc nhân tạo”

[15]

. Các quốc gia ven biển có quyền thành lập một vùng an toàn xung quanh đảo nhân tạo và xác định phạm vi của khu vực đó, có tính đến các tiêu chuẩn quốc tế liên quan

[16]

. Những điều khoản này cũng áp dụng đối với đảo nhân tạo xây dựng trên thềm lục địa

[17]

. Ngoài ra, các quốc gia dân tộc còn được hưởng quyền xây dựng đảo nhân tạo để đối đầu với là một trong những quyền tự do đối đầu (Điều 87, Công ước Luật Biển).

Thứ hai, Công ước Luật Biển không có một chứng cứ nào đã xác định tình trạng pháp lý của đảo nhân tạo. Định nghĩa của Công ước về đảo rõ ràng loại trừ bất kỳ đảo nhân tạo nào. Điều 60 quy định rằng “các đảo, thiết lập và cấu trúc nhân tạo không có thể cách của đảo. Chúng không có lãnh hải riêng và sự hiện diện của chúng không ảnh hưởng đến việc phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa” [18]. Trong khi đảo nhân tạo không tạo ra bất kỳ vùng biển nào, thì các quốc gia ven biển lại được phép thiết lập vùng an toàn xung quanh chúng. Những khu vực an toàn xung quanh đảo nhân tạo không được vượt qua khoảng cách 500 mét,

“tính tự mại điếm của rìa ngoài của chúng, trừ khi các điếm đó được công nhận theo các tiêu chuẩn quốc tế hoặc theo khuyến cáo của các tổ chức quốc tế có thẩm quyền” [19].

Thứ ba, việc xây dựng đảo nhân tạo có một số tác động đối với việc phân định biên giới biển. Đối với việc phân định lãnh hải, “công trình công biển vùng xa nhất mà tạo nên một phần không thể tách rời của hệ thống công biển được coi như là một phần của thành bộ phận”, nhưng những thiết lập xa bờ và các đảo nhân tạo không nên được coi là “công trình công biển vùng” [20]. Đây là điều khoản giới hạn tác động của đảo nhân tạo đối với việc phân định lãnh hải. Tuy nhiên, một khác, liên quan đến việc sử dụng các đường cơ sở thẳng, Công ước Luật Biển lại quy định rằng “đường cơ sở thẳng không được kéo đến hoặc kéo từ một nước khi thay thế hệ thống trừ khi các ngôn ngữ định hoặc các thiết lập tương tự luôn luôn ở trên một nước biển đã được xây dựng bên trên chúng hoặc ngoài trừ trường hợp đường cơ sở thẳng được kéo đến hoặc từ điếm và từ một nước nhỏ vậy đã được quốc tế công nhận” [21]. Quy định này

chỉ ra rằng đảo nhân tạo và các thiết lập có thể đóng một số vai trò trong phân định lãnh hải. Tuy nhiên, liên quan đến việc phân định vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, trừ một số vai trò trong việc xác định đường cơ sở thẳng mà cần cần vào đó để đo đạc vùng lãnh hải như đã đề cập ở trên thì đảo nhân tạo, về nguyên tắc, không có bất kỳ vai trò gì vì chúng không có các quy định đối với vùng đặc quyền kinh tế và/hoặc thềm lục địa như đã quy định trong Công ước Luật Biển

Trong luật nội địa tương ứng, các quốc gia ven biển đã sử dụng các điều khoản liên quan của Công ước Luật Biển để thực hiện các quy định điều ước của mình. Trong số tất cả các tuyên bố chủ quyền trên các quần đảo ở Biển Đông, luật của Trung Quốc và EEZ và thềm lục địa ban hành năm 1998 đã nhắc lại quy định và quy định tài phán của Trung Quốc đối với EEZ và thềm lục địa của nước này liên quan đến việc thành lập và sử dụng các đảo, thiết lập và cấu trúc nhân tạo

[22]

. Phi-líp-pin cũng có một điều khoản tương tự rằng nước này có thể thực thi “đặc quyền và quy định tài phán đối với việc thành lập và sử dụng các đảo nhân tạo, các sân bay, thiết lập và cấu trúc ngoài khơi”

[23]

Nếu so sánh, ta có thể thấy luật trồng rừng của Ma-lay-xi-a chi tiết hơn, có mặt phân và mặt số đo khu vực bao gồm:

“(1) Không ai được xây dựng, vận hành hoặc sử dụng những đèo, thiêt lập, cấu trúc nhân tạo trong vùng được quy định kinh tế hay trên thềm lục địa, trừ khi được Chính phủ cho phép và phải tuân thủ với những điều kiện có thể áp dụng.

(2) Chính phủ có quyền tài phán hoàn toàn đối với các đèo, thiêt lập và cấu trúc nhân tạo trong vùng được quy định kinh tế và trên thềm lục địa, bao gồm cả quyền tài phán về hải quan, tài chính, y tế, an toàn và luật di trú.

(3) Nếu cần thiêt, Chính phủ có thể thiêt lập vùng an toàn thích hợp xung quanh các đèo, thiêt lập và cấu trúc nhân tạo trong đó có áp dụng biện pháp đảm bảo an toàn phù hợp cho cả hàng hải và các đèo, thiêt lập và cấu trúc nhân tạo.

(4) Chính phủ xác định phạm vi của vùng an toàn, có tính đến cả yêu cầu hàng hải và các đèo, công trình và cấu trúc nhân tạo theo tiêu chuẩn quốc tế liên quan. Thông báo về giới hạn phạm vi của vùng an toàn sẽ được đưa ra kịp thời.

(5) Mọi phương tiện phải tôn trọng các khu vực an toàn và tuân thủ theo bất kỳ chỉ dẫn của Chính phủ đưa ra theo tiêu chuẩn quốc tế được chấp nhận rộng rãi về vị trí đi lại tại các vùng lân cận của các đèo, thiêt lập, cấu trúc nhân tạo và các vùng an toàn” [\[24\]](#).

Từ những bộ luật nội địa này, chúng ta có thể thấy rằng các quốc gia sẽ thực thi các quy định và quy định tài phán của mình liên quan đến việc xây dựng và quản lý đảo, các thiết lập và cấu trúc nhân tạo. Cũng cần lưu ý rằng những luật này được giới hạn trong việc thực hiện các quy định liên quan của Công ước Luật biển và vùng được quy định kinh tế và thềm lục địa. Luật Lãnh hải và các vùng tiếp giáp của Trung Quốc năm 1992 không đề cập tới quy định xây dựng đảo nhân tạo trên lãnh hải vì có thể hiểu rằng đó là một quy định hiển nhiên vì họ có chủ quyền hoàn toàn đối với vùng lãnh hải của mình

(ngoài trừ qua lối vô hại).

QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA

Thuật ngữ “đảo” có thể là một nhóm lớn khi đề cập đến tất cả các điểm đảo tự nhiên trong vùng Biển Đông bao gồm cả khu vực Trường Sa. Về mặt địa lý, có hàng trăm điểm đảo tự nhiên trong vùng Biển Đông bao gồm cả quần đảo/ đảo nhỏ, đảo san hô, rạn san hô và các bãi ngầm. Theo Trung Quốc, Quần đảo Trường Sa bao gồm 14 đảo/ đảo nhỏ, 6 bãi ngầm, 113 rạn san hô ngầm nổi, 35 bãi ngầm dưới nước và 21 bãi cát ngầm ngầm nổi [25]. Theo một nguồn tham khảo của phương Tây, có khoảng 170 điểm đảo trong vùng Biển Đông, trong đó chỉ khoảng 36 đảo nhỏ nổi được trên mặt nước khi thủy triều lên

[26]

. Hai con số trên cho thấy các điểm tự nhiên bao gồm dãi nước nhiều hơn so với những điểm nổi trên nước. Đây là một đặc điểm địa lý đặc biệt của Biển Đông, quyết định tầm quan trọng của các đảo và thiết lập nhân tạo của Quần đảo Trường Sa về khía cạnh chính trị, kinh tế và chiến lược.

Nói chung hiện tại có ba loại đảo và các thiết lập nhân tạo ở trong và xung quanh Quần đảo Trường Sa và các vùng lân cận. Thứ nhất là các thiết lập nhân tạo nổi tạm thời, như dàn khoan dầu. Một khi chúng không còn hoạt động nữa, các dàn

khoan này sẽ được tháo dỡ và loại bỏ. Thứ hai là các thiết lập và cấu trúc nhân tạo gần kết thúc thời hạn vĩnh viễn với đảo tự nhiên, như đường băng. Các đảo như có thể là loại cuối cùng, là các đảo nhân tạo được xây dựng trên các loại đá tự nhiên và các rạn san hô vĩnh cửu. Trung Quốc đã chiếm đóng một số rạn san hô ở Trường Sa từ năm 1988, vì mục đích đóng căn cứ quân sự hoặc các mục đích khác, nước này đã xây dựng các cấu trúc nhân tạo trên các rạn san hô (Johnson South/Rạn san hô Chigua, Subi/Rạn san hô Zhubi, Gaven/Rạn san hô Nanxun, Cuarteron/Rạn san hô Huayang, Hughez/Rạn san hô Dongmen và Mischief/Rạn san hô Meiji). Một số trong số này sau đó đã được mở rộng để trở thành giống như các đảo nhân tạo, chẳng hạn như một thiết lập trên Fiery Cross/Rạn san hô Yongshu. Rạn san hô Swallow (tiếng Ma-lay-xi-a: Terumbu Layang Layang) ở Ma-lay-xi-a chiếm đóng đã được khai hoang và bây giờ có một cảng cá, một khu lặn nghề đóng gôm 15 phòng và một đường băng 1,5 km. Với một này, phải thừa nhận rằng đối với rất nhiều đảo, do có các thiết lập nhân tạo, nên “rất khó để phân biệt cái nào là điểm tự nhiên và cái nào là do con người tạo ra” [27]. Trong khi số là an toàn để nói rằng các điều khoản liên quan của Công ước Luật Biển có thể áp dụng đối với hai loại đầu tiên, thì tình trạng pháp lý của loại thứ ba lại được biệt và khó xác định theo Công ước Luật Biển và ngay cả theo luật pháp quốc tế nói chung. Nếu định nghĩa đây là một điểm tự nhiên, thì nó lại xen lẫn với các thiết lập và cấu trúc nhân tạo; nếu định nghĩa đây là một đảo nhân tạo thì nó lại không được con người gần kết cấu định với đáy biển mà lại được hỗ trợ bởi một nền tự nhiên như một rạn san hô dù ở trên một nước hay không khi thủy triều lên. Rõ ràng là không có điều khoản nào trong luật pháp quốc tế điều chỉnh hình thức kết hợp giữa tự nhiên và nhân tạo như thế. Công ước về Thềm lục địa 1958 có điều khoản chỉ liên quan đến việc xây dựng đảo nhân tạo trên thềm lục địa vì nó quy định rằng các quốc gia ven biển được quyền xây dựng và duy trì hoặc hoạt động trên các thiết lập trên thềm lục địa và các thiết lập khác cần thiết cho việc thềm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên, nhưng những thiết lập nhân tạo và thiết lập biển như vậy không có địa vị của đảo [28]

. Do chúng ta không thể tìm thấy bất kỳ nguồn tham khảo nào trong luật pháp quốc tế liên quan đến những kết hợp giữa nhân tạo và tự nhiên, nên chúng ta có thể bàn luận hơn nữa về vấn đề này qua xem xét một số thực tiễn nhà nước hiện nay.



MỘT NHÓM ĐẢO CÓ THÙ?

Một câu hỏi tự nhiên nảy sinh: liệu những đảo nhân tạo với nền tảng tự nhiên có được coi là một nhóm đảo *đặc thù* (*sui genesis*) hay không? Những đảo nhân tạo có thể được xây dựng dưới đáy biển, trên thềm lục địa, trên đá hoặc rạn san hô. Liệu chúng có thể được xem như nhau với một pháp lý không? Câu hỏi này dường như không dễ trả lời.

Trong thực tiễn Nhà nước, đã có một vài ví dụ về việc xây dựng đảo hoặc cấu trúc nhân tạo trên đá tự nhiên và san hô. Trong đầu thập kỷ 70 của thế kỷ trước, Tonga đã dùng xi măng để nâng cao hai bãi cạn, từ đó mở rộng các vùng biển thuộc quyền tài phán của mình [29]. Ví dụ gần đây hơn là đảo san hô Okinororishima của Nhật Bản (còn có tên Rạn san hô Douglas). là một điểm đảo, nó nằm ở

20

0

25' Bắc

và

136

0

05' Đông

, cách nam lãnh thổ Nhật Bản. Do bề mặt biển làm xói mòn, bề mặt của rạn san hô này trên một phần khi thủy triều lên đã dần dần bị rút xuống và hư hỏng đi. Khi thủy triều lên, chỉ có thể nhìn thấy 16 cm của hòn Bắc (Kitakojima) và 6 cm của hòn Đông (Higashikojima) – hai bãi đá của rạn san hô này – nổi trên mặt nước

[30]

Dưới các tác động của tự nhiên, rạn san hô này sẽ bị phần biển nuốt hoàn toàn. Kể từ năm 1987, Nhật Bản đã bỏ ra đầu tư một khoản tiền lớn (khoảng 300 triệu USD

[31]

)

để củng cố và bồi đắp các rạn san hô nhằm sẽ dùng các rạn san hô làm cơ sở để

đòi hỏi thêm các vùng nước chủ quyền. Nước này đã xây dựng một bãi cọc ngầm xung quanh và bao bọc rạn san hô như một hình mẫu để báo và chúng không bị mất dưới tác động của tự nhiên

[\[32\]](#)

Theo dự đoán, “Nhật Bản rất có thể sẽ nghiêm túc nỗ lực xây dựng Okinororishima thành một đảo nhân tạo lớn”

[\[33\]](#)

Theo báo cáo, nếu thành công, Nhật Bản có thể đòi hỏi có một vùng đặc khu kinh tế rộng khoảng 400.000 km

2

và thêm lục địa rộng khoảng 740.000 km

2

xung quanh rạn san hô này

[\[34\]](#)

Có thể thấy rõ rằng việc công cụ và bãi đắp các loại đá được hình thành tự nhiên hoặc các rạn san hô trong khu vực Quần đảo Trường Sa là có lợi cho lợi ích và quyền tài phán của nước đòi hỏi chủ quyền hiện đang kiểm soát các bãi đá hoặc rạn san hô tại đây. Vấn đề này đã gây ra một số tranh cãi về mặt lý thuyết, nhưng do không có quy định nào trong luật pháp quốc tế cấm các công trình nhân tạo nên điều này không hề vi phạm luật pháp quốc tế hiện nay kể cả Công ước Luật Biển.

Một khác, với sự phát triển của khoa học công nghệ, đảo nhân tạo có thể có các điều kiện sống thuận lợi hơn cho con người, do đó điều này sẽ thay đổi địa vị pháp lý của các đảo trong tương lai. Như chúng ta đã biết, trong các tài liệu cũ, đảo nhân tạo được coi là một đảo hợp pháp [\[35\]](#) và định nghĩa đầu tiên về “đảo” cũng bao gồm cả đảo nhân tạo. Có thể tìm thấy điều này trong Bộ luật cuối cùng của Hội nghị Pháp định hóa của Hội Quốc Liên năm 1930, trong đó đảo được định nghĩa là “một vùng đất thềm lục địa xuyên năm cao hơn mức nước cao”

[\[36\]](#)

nhưng không thấy để cập đến việc có được hình thành tự nhiên hay không. Tuy

nhân, chỉ mất thời gian sau đó, đạo nhân tạo đã bỏ lo ngại trừ khi định nghĩa “đạo” khi từ khóa “hình thành tự nhiên” được bổ sung thêm

[\[37\]](#)

Sau khi cân nhắc các yếu tố lịch sử, một câu hỏi được đặt ra là liệu có thể tái định nghĩa về “đạo” để bao hàm cả đạo nhân tạo, đặc biệt là những đạo mà phần nhân tạo đã góp phần chốt chốt với phần tự nhiên.

Cũng cần lưu ý rằng ngay từ năm 2001 khi Tòa án Quốc tế (ICJ) xét xử *Vụ việc về Phân định biển và các vấn đề lãnh thổ giữa Qatar và Bahrain (Qatar v. Bahrain)*, Shigeru Oda, cựu thẩm phán quốc tế Nhật Bản bày tỏ quan ngại về sự phát triển trong tương lai có liên quan với vấn đề đạo nhân tạo: “những công nghệ hiện đại, việc phát triển các đảo nhỏ và bãi cạn sığ có thể làm nền móng cho các công trình như các điếm giới trí hay các công nghiệp. Mặc dù Công ước Luật Biển 1982 có một số điều khoản liên quan (ví dụ điều 60 và 80), tôi phải cân nhắc xem liệu công trình này có được luật pháp quốc tế cho phép hay không, và nếu được, thì cấu trúc như vậy sẽ có tình trạng pháp lý nào. Đây thực sự là vấn đề đáng để thảo luận trong tương lai”

[\[38\]](#)

Những gì Oda quan tâm đến trong một thời kỳ trước đã trở thành vấn đề công pháp quốc tế thực sự phải đối mặt hiện nay.

Tuy nhiên, trước khi các quy tắc quốc tế liên quan phát triển hơn trong tương lai, chúng ta phải tiếp tục cuộc thảo luận sau đây trong khuôn khổ của luật pháp quốc tế hiện hành. Điểm này là một số điều cần cân nhắc để thảo luận thêm.

Ưu tiên là việc áp dụng nguyên tắc hay tiêu chí về tính hợp lý. Vào những năm 60

của họ kể trước, một số học giả nội tình và luật biên của Mỹ đã chỉ ra rằng “tiêu chí chính để thẩm định tính hợp lý của một yêu sách phân định lãnh hải hoặc một vùng nội thủy từ một vùng đất nhân tạo có nước bao quanh là liệu nó có được xây dựng để sử dụng trong thực tế hay chỉ là một công trình ngụy tạo để mở rộng lãnh hải hoặc vùng nội thủy mà không có liên quan đến các lợi ích khác của vùng đất đó” [39]. Họ cũng tiếp tục chỉ ra rằng, “việc cho phép một quốc gia mở rộng lãnh hải hoặc thềm lục địa các vùng nội thủy mới chỉ đơn giản bằng cách đổ đá xuống biển từ một mỏc nhớt định để đảm bảo các công trình nhân tạo luôn nổi trên mặt nước, rõ ràng là đi ngược không hề được mong muốn” [40]. Mục đích của các nước đòi hỏi chủ quyền khi xây dựng đảo nhân tạo ở khu vực Quần đảo Trùng Sa là rất rõ ràng, như là để duy trì và củng cố tuyên bố về lãnh thổ và biển ở Biển Đông. Một số công trình nhân tạo được xây dựng đơn thuần vì mục đích kinh tế (ví dụ du lịch) và khoa học (quan sát khí tượng) liên quan các nước có liên quan cáo buộc. Liệu các mục đích báo cáo này có phải là nguyên nhân cho mục đích thực sự ở trên? Và liệu những mục đích thực sự ấy thuần theo hay chúng liên quan tính hợp lý?

Cần nhắc lại hai vấn đề xây dựng đảo nhân tạo nhằm mục đích áp dụng nguyên tắc “tôn trọng hợp lý”. Việc hàng loạt xây dựng đảo nhân tạo của một số quốc gia không nên ảnh hưởng bất hợp lý đến quyền và lợi ích của các quốc gia khác cũng như công đồng quốc tế. Nguyên tắc này được thể hiện rõ trong các điều khoản liên quan của Công ước Luật Biển, nó chỉ ra rằng khi một quốc gia ven biển thềm lục địa vùng an toàn xung quanh đảo nhân tạo, cần đảm bảo rằng khu vực này liên quan một cách hợp lý đến bản chất và chức năng của hòn đảo nhân tạo ấy, và cũng cần phải đưa ra thông báo về phạm vi của vùng an toàn. Hơn nữa, “đảo, các thềm lục địa và cấu trúc nhân tạo cùng với các vùng an toàn bao quanh chúng có thể không được thềm lục địa nếu chúng ảnh hưởng đến việc sử dụng các tuyến đường biển đã được công nhận thềm lục địa yêu đối với đường biển quốc tế”. [41] Nguyên tắc “tôn trọng hợp lý” cũng được phản ánh trong các điều khoản của Công ước Luật Biển về thực thi các quyền từ đó trên biển (Điều 87).

Một điều đáng quan tâm khác là liệu có nghĩa vụ phải thông báo và tham vấn về việc xây dựng đảo nhân tạo và các thềm lục địa ở biển Đông hay không. Ví dụ như trong Công ước về Luật Sử dụng các kênh rạch nhân tạo quốc tế cho mục đích phi hàng hải năm 1977 cũng đã phản ánh nhiệm vụ này [42]. Công ước đã đặt ra cho các

ṇc có các kênh ṛch ngḥa v̄ ph̄i thông báo v̄ b̄t k̄ k̄ hōch hành đ̣ng nào mà có th̄ ãnh h̄ng đ̣n môi tṛng c̣a các kênh ṛch qục t̄. Vīc tham v̄n và ãm phán s̄ đ̣c tīn hành ṇu có b̄t đ̣ng v̄i các qục gia này. Trên th̄c t̄, ngḥa v̄ thông báo và tham v̄n này liên quan đ̣n các quy đ̣nh v̄ kīm soát ô nhīm và b̄o v̄ môi tṛng. Các ṇc có kênh ṛch c̣ng đ̣c yêu c̣u ph̄i có bīn pháp cá nhân hay t̄p th̄ đ̄ nḡn nḡa hōc gīm nh̄ nh̄ng ȳu t̄ liên quan đ̣n m̄t con kênh qục t̄ mà có th̄ gây h̄i cho các ṇc có kênh ṛch khác

[43]

. Có l̄ nhīm v̄ này nên đ̣c áp đ̣ng cho vīc xây đ̣ng đ̣o nhân ṭo ã bīn ãng, b̄i r̄t c̣n thīt ph̄i tham kh̄o ý kīn các bên có liên quan tṛc khi xây đ̣ng, ngay c̄ trong lãnh h̄i

[44]

. Các qục gia có liên quan có th̄ đ̄a vào b̄n Tuyên b̄ v̄ Cách ãng x̄ trên Bīn ãng (DOC) n̄m 2002 đ̄ t̄o ra m̄t c̄ ch̄ thông báo và tham v̄n. Theo nh̄ báo cáo, các ṇc ASEAN và Trung Qục m̄i ãy ã đ̣ng ý n̄i l̄i các cūc đ̄i thōi v̄ vīc th̄c hīn có hīu qū DOC và t̄ng c̣ng h̄p tác h̄ng t̄i vīc thông qua m̄t b̄ Quy t̄c ãng x̄ trên Bīn ãng (COC)

[45]

. Ngḥa v̄ thông báo và tham v̄n đ̄i v̄i vīc xây đ̣ng đ̣o nhân ṭo và các kīn thīt ã bīn ãng nên đ̣c đ̄a vào cḥng trình đ̄i thōi này.

Cūi cùng, v̄n đ̄ đ̄o nhân ṭo có liên quan đ̣n vīc áp đ̣ng ãīu 121 (3) c̣a Công ãc Lūt Bīn ṛng “ã nh̄ng bãi đá mà ã đó con nḡi không th̄ duy trì s̄ s̄ng c̣a con nḡi hay đ̄i s̄ng kinh t̄ c̣a chúng thì s̄ không có vùng đ̄c quȳn kinh t̄ hōc th̄m l̄c đ̄a” [46]. Hīn tṛng xây đ̣ng nhân ṭo ã bīn ãng hay n̄i khác b̄ ãnh h̄ng b̄i ãīu khōn này t̄ khi các qục gia, đ̄ m̄ ṛng không gian hàng h̄i c̣a mình, ã tīn hành m̄i n̄ l̄c đ̄ chuȳn các “bãi đá” thành “đ̄o” có th̄ ãp ãng các ãīu kīn duy trì môi tṛng s̄ng c̣a con nḡi hay đ̄i s̄ng kinh t̄ c̣a chúng. ão san hô Okinotorishima là m̄t ví d̄ ãīn hình. Câu h̄i đ̄c đ̄t ra là līu công trình xây đ̣ng nhân ṭo nh̄ v̄y trên ṛn san hô có thay đ̄i tình tṛng pháp lý c̣a ṛn san hô ã hay không. Trung Qục bày t̄ ṛng vīc xây đ̣ng các c̄ s̄ nhân ṭo trên ṛn san hô “s̄ không thay đ̄i tình tṛng pháp lý c̣a nó”

[47]

. Tuy nhiên, ãy ch̄ là quan ãīm pháp lý c̣a Trung Qục v̄ Okinotorishima và trái v̄i ý đ̄nh th̄c s̄ c̣a Nh̄t B̄n. T̄t c̄ nh̄ng gì Nh̄t B̄n ã, ãng và s̄ làm là đ̄ các ṛn san hô ãp ãng các ãīu kīn t̄i ãīu 121 (3) c̣a Công ãc Lūt Bīn, giúp ṇc này không ch̄ ãīm lãnh h̄i mà còn c̄ vùng đ̄c quȳn kinh t̄ và th̄m l̄c đ̄a t̄ các ṛn san hô ã. Do ã, m̄c ãch cūi cùng c̣a Nh̄t B̄n là thay

đi.

Tuy nhiên, sự thay đổi này có thể dẫn đến hai hậu quả pháp lý: một là sự thay đổi phù hợp với ý nguyện của Nhật Bản khi cuối cùng rạn san hô sẽ biến thành một hòn đảo tự nhiên thì sẽ mất các điều kiện liên quan được quy định trong Công ước Luật Biển; và một hậu quả khác, có thể đi ngược lại mong muốn của Nhật Bản, là sự thay đổi khi cuối cùng cũng được quy định sẽ coi rạn san hô tự nhiên như là một hòn đảo nhân tạo, mà theo luật pháp quốc tế hiện nay chỉ có thể có vùng an toàn rộng 500 mét. Vì vậy không những một quy định đòi hỏi vùng được quy định kinh tế và thềm lục địa, mà còn một những quy định đòi hỏi với lãnh hải do có những công trình đáng kể và thiết lập và cấu trúc nhân tạo. Một học giả nổi tiếng về biển, Jon van Dyke, đã từng đưa ra nhận định này. Theo ông, công tác từng công việc rạn do Nhật Bản tiến hành có thể được coi là đã thay đổi một rạn san hô thành đảo nhân tạo, vì vậy không thể đòi hỏi một vùng được quy định kinh tế hoặc thềm lục địa, theo điều 60 của Công ước Luật Biển [48]. Ông tiếp tục liên hệ với các vấn đề của đảo nhân tạo với Biển Đông và chỉ ra rằng các rạn san hô Subi và Johnson South (do Trung Quốc chiếm đóng), rạn san hô Dallas (của Malaysia), cũng như Vanguard và Prince of Wales Banks (của Việt Nam) phải được đối xử như với đảo san hô Okinotorishima [49].

. Luận điểm của ông càng được củng cố bởi ý kiến trước đó của một thẩm phán Tòa án Quốc tế đã nêu rõ trong

Vấn đề liên quan đến Phân định biển và các vấn đề về Lãnh thổ giữa Qatar và Bahrain

năm 2001 rằng “theo quy định trong Công ước 1982 về Luật biển, những nơi lồi bờ cáo buồm của cả hai nước đã thay đổi một cách nhân tạo phần phía trên bờ một của Qit'at Jaradah không cho phép tôi kết luận rằng nó có thể cách pháp lý của một hòn đảo”

[50]

. Cũng có giả ý rằng, theo Công ước Luật Biển, những rạn san hô đã được củng cố biến chuyển đổi thành các đảo nhân tạo ở biển Đông sẽ một thể cách pháp lý như là các rạn san hô tự nhiên và được coi là hòn đảo nhân tạo.

Tuy nhiên, đối với câu hỏi làm thế nào để ngăn chặn sự xói mòn của đảo tự nhiên

bằng cách cũng có thể theo kiểu nhân tạo, thì cần có sự đổi khác nhau với các hòn đảo có tình trạng pháp lý khác nhau. Nếu một hòn đảo đã sử dụng vùng được quy định kinh tế và thềm lục địa riêng trước khi có bất cứ sự can thiệp nhân tạo đáng kể nào, nhưng do ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên mà nước ven biển cần phải tiến hành việc xây dựng nhân tạo để ngăn không mất đi trạng thái pháp lý trước đó, thì hành động này cần được luật pháp quốc tế thông qua. Vì vậy này được biết có ý nghĩa trong bối cảnh nóng lên toàn cầu và sự dâng lên của mực nước biển. Một số quốc gia đang đổi mới với mọi đề dọa bất chấp nước do nước biển dâng lên. Luật pháp quốc tế không cấm các quốc gia gia cố bờ quy định của họ bằng việc sử dụng các kiến trúc và cấu trúc nhân tạo, cho dù có đáng kể và tốn kém thế nào. Trái lại, nếu một nước ven biển chỉ đơn thuần cố gắng để mở rộng không gian biển của mình với sự hỗ trợ của các công sự nhân tạo thì điều này đáng được đặt câu hỏi trong luật pháp quốc tế. Như trong một hợp lệ về luật biển khác là Symmons Clive nhận xét, việc báo quần đảo một vùng đất có địa vị đảo, so với việc tạo ra một khu vực đất đai để có được thể cách pháp lý của đảo, là hoàn toàn khác nhau [51]. Nếu lục địa biển đổi mới mở rộng san hô trở thành một hòn đảo tự nhiên có khu vực biển rộng lớn dường như không chỉ để ngăn chặn lợi nguyên tắc “tôn trọng hợp lý”, mà còn có thể coi là xâm phạm quyền lợi của các nước khác nói riêng và cộng đồng quốc tế nói chung.

Nếu không báo các quốc gia ven biển sử dụng một cách thái quá thì các vùng biển là một phần của vùng đáy biển quốc tế và /hoặc một phần của các đại dương. Theo ý nghĩa đó, Trung Quốc bày tỏ mọi quan ngại của mình rằng việc Nhật Bản đòi chủ quyền với thềm lục địa trong vịnh Okinotorishima “sử dụng ra một tiến bộ có thể dẫn đến việc lấn chiếm trên các vùng biển khác và trong khu vực quy mô lớn hơn” [52]

Một số quốc gia khác cũng đang tình hình với quan điểm này của Trung Quốc. Có một điều chắc chắn rõ ràng là liệu đòi hỏi của Nhật Bản có đi ngược lại nguyên tắc về di sản chung của nhân loại nêu trong Công ước Luật Biển vì nguyên tắc này đã được công nhận thông qua Hiệp định về thực hiện Phần XI của Công ước Luật Biển năm 1994 hay không [53]

Cũng cần chú ý ra một khác biệt nữa giữa việc xây dựng đảo nhân tạo mà không đòi các vùng biển phát sinh từ đó với việc xây dựng chướng ngại vật là vì mục đích yêu sách các vùng biển, mà điển hình là đảo san hô Okinotorishima. Với một mặt này, cách làm của Trung Quốc là đáng chú ý. Như chúng ta đã biết, Trung Quốc đã phớt lờ mọi yêu sách biển của Nhật Bản trong vịnh Okinotorishima, nhưng một khác, Trung Quốc cũng xây dựng một số đảo nhân tạo đáng kể ở Biển Đông. Cho đến nay không thấy phía Trung Quốc thể hiện quan điểm nào rằng họ sẽ đòi vùng đặc quyền kinh tế và/hoặc thềm lục địa từ đảo nhân tạo dựa trên các rạn san hô mà họ chiếm đóng. Nếu có tuyên bố như vậy, Trung Quốc sẽ thể hiện lợi ích quan điểm phớt lờ Nhật Bản của mình. Có lẽ, do Trung Quốc đã bày tỏ rõ ràng quan điểm đối với các rạn san hô theo Điều 121 (3) của Công ước Luật Biển nên khó có thể Trung Quốc sẽ làm theo Nhật Bản trong vấn đề này. Mặc dù vậy, một số quốc gia khu vực Đông Nam Á, có thể có mối quan ngại đối với quan điểm của Trung Quốc trong việc sẽ thể hiện một tiêu chuẩn kép để đòi hỏi vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa từ các rạn san hô như ở biển Đông, điều này được phản ánh trong công hàm của Indonesia ngày 08/7/2010 liên quan đến đường chướng ngại vật của Trung Quốc tại biển Đông, đính kèm trong công hàm của Trung Quốc (ngày 7/5/2009) với việc phớt lờ các bước trình tự thềm ngoài lục địa của Việt Nam và Malaysia

[\[54\]](#)

Đã có rất nhiều các cuộc thảo luận về việc áp dụng Điều 121 (3) của Công ước Luật Biển vì nó mơ hồ và không rõ ràng. Tất nhiên hết, cần có một giải thích đáng tin cậy về điều khoản này. Một giải thích như vậy cũng sẽ giúp giải quyết những vấn đề thực tế phát sinh từ việc xây dựng đảo nhân tạo. Như chúng ta đã biết, Trung Quốc đã cố gắng lập một chương trình nghẽn số về việc giải thích điều khoản này tại Hội nghị các quốc gia về Luật Biển năm 2009, nhưng không thành công.

Ái có quy định lục và thềm quy định dựa ra giải thích đáng tin cậy cho Điều 121 (3) của Công ước Luật Biển? Rõ ràng là Ủy ban về Thềm lục địa không thích hợp vì họ chỉ xem xét, kiểm tra dự trình của các quốc gia ven biển và ranh giới phía ngoài của thềm lục địa. Ủy ban này cũng thể hiện rằng họ không có thềm quy định giải thích các điều khoản của Công ước [\[55\]](#) . ICJ tuy có thềm quy định nhưng dường như

lợi nhuận không mua đưa ra giới trình. ICJ đã tở bở cở hởi gởn đây trong
Vở vởc *Phân đởnh biởn tởi Biởn ỏen (Romania v. Ukraine)*

vởi vởc giởi quyỏt vởn đở đởo

Serpents'

. Vì không tở ra bởt kở ỏnh hỏng nào vởi hỏn đởo này trong vởc phân đởnh biên
giởi biởn giỏa Romania và Ukraine, Tòa án cỏng tránh tranh luỏn liỏu
theo

ỏỉu 121 (3) cỏa Công ỏỏc Luỏt Biởn

thỏ Serpents' có phỏ

là mỏt khỏi đá nhỏ lên mỏt biỏn hay không

[\[56\]](#)

.
Tòa án có thỏm quyỏn tích cỏc nhỏt có lỏ là Toà án Quỏc tở vỏ Luỏt biỏn (ITLOS)
mà hiỏn đởng nóng lòng mong đỏi đỏỏc xỏ lý nhiỏu vỏ vởc hỏn. Gỏn đây, các Chỏ
tỏch và thỏm phán cỏa ITLOS phát biỏu rỏng hỏ (không chỏ riêng Phòng Tranh chỏp
ỏáy biỏn) có thỏm quyỏn đỏa ra ý kiỏn tở vỏn vỏ các vỏn đỏ pháp lý do các bên liên
quan đỏ trình. Theo hỏ, cỏ sỏ pháp lý cỏa thỏm quyỏn tở vỏn là ỏỉu 21 cỏa ỏỉu lỏ
ITLOS, trao cho Tòa án thỏm quyỏn đỏc biỏt là vỏi “tỏt cỏ các vỏn đỏ mà bởt kỏ
hiỏp đởnh khác đỏ quy đởnh cỏ thỏ trao thỏm quyỏn xét xỏ cho Tòa” và hiỏp đởnh
ỏy có thỏ trao thỏm quyỏn tở vỏn cho Tòa án

[\[57\]](#)

. Theo Thỏm phán Wolfrum - cỏu Chỏ tỏch cỏa ITLOS, các ý kiỏn này “có thỏ có lỏ
ích to lỏn trong vởc giởi quyỏt các tranh chỏp quỏc tở” và “chỏc nỏng tở vỏn cỏa
Tòa án có thỏ hỏng các bên tham gia đỏ tởi kỏt quỏ có lỏi lỏn nhau”. Hiỏn nay,
Phòng Tranh chỏp ỏáy biỏn

cỏa ITLOS đởng giỏi quyỏt mỏt trỏng hỏp do Cỏ quan đáy biỏn quỏc tở
trỏn lên

đỏ xin ý kiỏn tở vỏn vỏ vởc giỏi thích vỏ Nghỏa vỏ cỏa các quỏc gia trong Công ỏỏc
Luỏt Biỏn

[\[58\]](#)

. Có thỏ là nỏu Hỏi nghỏ các bên ký kỏt Luỏt biỏn

hỏc các cỏ chỏ thích hỏp khác quyỏt đởnh cỏn có ý kiỏn tở vỏn tở ITLOS, thì Tòa
án sỏ rỏt vui mỏng nhỏn công vởc này. Các hỏc giỏ nỏi tiỏng cỏng đỏ đỏ xuỏt các
lỏa chỏn khác đỏ làm rỏ ỏỉu 121 (3) cỏa Công ỏỏc

[\[59\]](#)

LỎI KỎT

Vấn đề dự án nhân tạo rặng hàng nghìn so với quy mô của bài tham luận này. Nó không chỉ liên quan đến tranh chấp và biên giới biển, mà còn liên quan tới an ninh hàng hải cũng như sự sống còn của con người trước biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường. Các cuộc thảo luận trong giới pháp lý đang tiếp diễn về việc làm thế nào để tạo nên lưu trữ cacbon thông qua nền tảng nhân tạo có liên quan đến các điều 208-209 của Công ước Luật Biển cũng như Công ước London về bán phá giá. Không chỉ trên biển hay tại phạm vi hàng hải có thể được tiến hành bằng cách sử dụng các đảo và/hoặc nền tảng nhân tạo, hoặc tiến công các đảo điếm này. Sự gia tăng mức nước biển có thể xảy ra nhanh vì xây dựng đảo nhân tạo và các công sự hải trình để tránh việc các hòn đảo bị ngập nước. Các công trình xây dựng như vậy có thể là một trong những sự lựa chọn cho các quốc gia hiện đang bị đe dọa bởi sự nóng lên toàn cầu.

Ngoài phạm vi môi trường, dự án nhân tạo còn có khía cạnh an ninh hàng hải. Ví dụ, Nghị định thư SUA 1988 được soạn ra để kiểm soát các hành động trái phép đối với sự an toàn của các nền tảng cố định nằm trên thềm lục địa. Theo Nghị định thư này, khái niệm “nền tảng cố định” được định nghĩa là “một dự án nhân tạo, công trình xây lập hay một cấu trúc vĩnh viễn gắn với đáy biển vì mục đích thềm dò, khai thác tài nguyên hoặc các mục đích kinh tế khác” [60]. Trong bối cảnh đàm phán nào trong tương lai liên quan đến việc xây dựng đảo nhân tạo, khía cạnh an ninh đều cần phải được xem xét.

Đảo nhân tạo cũng có liên quan đến quyền lên đất liền biển. Như chúng ta đã biết, một số nước như Hà Lan và Singapore có lòng đất liền biển đáng kể [61]. Sự có mặt của khía cạnh thú vị này sinh ra chúng ta so sánh việc lên biển với việc xây dựng đảo nhân tạo, đặc biệt khi cân nhắc xem yêu sách không gian biển tại việc lên biển có hợp pháp hay không, cho dù một hành động lên phạm vi có thể gây ra tranh chấp quốc tế hoặc các vấn đề rắc rối khác giữa các quốc gia láng giềng, như

lên biển của Singapore trong và xung quanh eo biển Johor (giữa Malaysia và Singapore)

năm 2003

[\[62\]](#)

Cuối cùng, công nhận lưu ý rằng cùng với sự tăng dân số, trong tương lai người ta có thể sẽ xây dựng các đảo nhân tạo có quy mô lớn hay thậm chí là các thành phố trên biển. Sau những năm 70 của thế kỷ trước, tại Vùng quốc Anh đã có kế hoạch xây dựng một thành phố trên biển để khắc phục cho một công đồng trẻ trẻ khoảng 30.000 dân sinh sống [\[63\]](#). Các đảo nhân tạo được xây dựng ở Dubai của Tiểu Vương quốc Ả Rập ít nhiều đã một phần thực hiện được kế hoạch này

[\[64\]](#)

Công đã có những dự xuất xây dựng sân bay mới trên biển. Trên thực tế, một số sân bay châu Á đang được xây dựng ngoài biển

[\[65\]](#)

Với sự phát triển của công nghệ, còn có thể xây dựng được sân bay giữa đại dương. Các công sự hạ tầng nhân tạo hiện có cũng như đang được dự xuất có mối liên quan đến địa vị pháp lý của đảo nhân tạo. Câu hỏi được đặt ra là: với khả năng duy trì đại sống con người hoặc đại sống kinh tế của riêng mình, liệu các

đảo nhân tạo này có được hưởng các quyền có các vùng biển hay không?

Đảo nhân tạo chắc chắn có những ảnh hưởng về mặt pháp lý khác đại với sự phát triển của luật pháp quốc tế và thực tiễn Nhà nước thông thường, điều này đòi hỏi cần có thêm các cuộc thảo luận và tranh luận. Chính vì vậy, chắc chắn rằng vấn đề về đảo nhân tạo sẽ thu hút sự chú ý nhiều hơn nữa tại công đồng thế giới trong tương lai gần.

GS. Keyuan Zou, Khoa Luật, Đại học Trung tâm Lancashire, Vương quốc Anh

Bản quyền thuộc NCB

Tài liệu PDF [tìm đây](#)

{jcomments on}

[1] Có thể thêm chi tiết, xem John M. Macdonald, 'Artificial Reef Debate: Habitat Enhancement or Waste Disposal?', *Ocean Development and International Law*, Tập 25, 1994, 87-118.

[2] Các tác phẩm tiêu biểu gồm Nikos Papadakis, *The International Legal Regime of Artificial Islands*, Leyden: A.W. Sijthoff, 1977; và Alfred HA Soons, *Artificial Islands and Installations in International Law*, Tập chí *thông pháp* số. 22, Học viện Luật Bỉ, Tháng 7, 1974.

[3]

[4] Gidel, 1934, 684.

[5]

[6] Xem Yearbook of International Law Commission, 1955, Tập 1, tr.10 tại <http://u>

[untreaty.un.org/ilc/publications/yearbooks/Ybkvolumes\(e\)/ILC_1955_v1_e.pdf](http://untreaty.un.org/ilc/publications/yearbooks/Ybkvolumes(e)/ILC_1955_v1_e.pdf)
(truy cập ngày 27/10/ 2010).

[7] Xem Điều 29 Công ước Luật Biển. Văn bản có thể xem tại http://www.un.org/Depts/los/convention_agreements/texts/unclos/closindx.htm
(truy cập ngày 27/10/ 2010).

[8] Điều 2, Công ước 1973. Có thể xem văn bản tại <http://sedac.ciesin.org/entry/texts/pollution.from.ships.1973.html>
(truy cập ngày 27/10/ 2010).

[9] Xem Điều 121 Công ước Luật Biển.

[10] R. Bernhardt, 1989.

[11] Soons, 1974.

[12] Papadakis, 1977 .

[13] Xem Điều 60 Công ước Luật Biển.

[14] Nt.

[15] Nt.

[16] Nt.

[17] Điều 80 Công ước Luật Biển.

[18] Điều 60 Công ước Luật Biển.

[19] Nt.

[20] Điều 11 Công ước Luật Biển.

[21] Xem Điều 7 Công ước Luật Biển.

[22] Xem Điều 34, Luật năm 1998. Văn bản có thể xem tại http://www.un.org/Depts/los/LEGISLATIONANDTREATIES/PDFFILES/chn_1998_eez_act.pdf (truy cập ngày 28/10/2010).

[23] Xem phần 2 (B) của Sắc lệnh Tổng thống Số. 1599 (11/6/1978) thành lập EEZ và các mục đích khác. Văn bản có thể xem tại http://www.un.org/Depts/los/LEGISLATIONANDTREATIES/PDFFILES/PHL_1978_Decree.pdf (truy cập ngày 28/10/2010).

[24] Phần VI của, các thiết lập và cấu trúc nhân tạo của Luật Vùng đặc quyền kinh tế, 1984. Văn bản http://www.un.org/Depts/los/LEGISLATIONANDTREATIES/PDFFILES/MYS_1984_Act.pdf (truy cập ngày 29/10/2010).

[25] Zeng Zhaoxuan, Islands in the South China Sea, 1986, 3.

[26] Daniel J. Dzurek, The Spratly Islands Dispute: Who's on First? IBRU

(International Boundaries Research Unit- Đơn vị Nghiên cứu Biên giới Quốc tế) Maritime Briefing S.2 (1), 1996, at 1.

[27] Robert W. Smith, 'Maritime Delimitation in the South China Sea : Potentiality and Challenges', Ocean Development and International Law, S.41 (3), 2010, at 223.

[28] Điều 5, Công ước về Thềm lục địa 1958. Văn bản có thể xem tại http://untreaty.un.org/ilc/texts/instruments/english/conventions/8_1_1958_continental_shelf.pdf (truy cập ngày 31/10/2010).

[29] Xem Papadakis, trang 93.

[30] Yann-huei Song, 'Okinororishima: A "Rock" or an "Island"? Recent Maritime Boundary Controversy between Japan and Taiwan/China', trong Seoung-Yong Hong và Jon M. Van Dyke (eds.), Maritime Boundary Disputes, Settlement Processes, and the Law of the Sea (Leiden: Martinus Nijhoff, 2009), tr.148.

[31] Xem Qin Jize, Li Xiaokun and Cheng Guangjin, "Japan atoll expansion 'hurts neighbors'", China Daily, 11/2/2010, có thể tham khảo tại http://www.chinadaily.com.cn/world/2010-02/11/content_9461259.htm (truy cập ngày 14/10/2010).

[32] Smith, xem chú thích 27, tr.222.

[33] Song, xem chú thích 30, tr.150.

[34] Xem Qin và các tác giả khác, chú thích 31. Tuy nhiên có thông tin rằng vùng đặc quyền kinh tế của Okinotorishima (400.000 km²) thậm chí còn lớn hơn lãnh thổ Nhật Bản. Xem Song, chú thích 30, tr.156.

[35] Xem A.M.J. Heijmans, “Artificial Islands and the Law of Nations”, *Netherlands International Law Review*, Tập 21, 1974, trang 151.

[36] Xem Jon M. Van Dyke và Robert A. Brooks, ‘Uninhabited Islands: Their Impact on the Ownership of the Ocean’s Resources’, *Ocean Development and International Law*, Tập 12, 1983, tr. 272. Như chúng ta đã biết, H. Lauterpacht đã xuất thêm tính từ “tự nhiên” trước “vùng đất”, nhưng đã bỏ quy ban Luật Quốc tế cho năm 1954.

[37] Theo định nghĩa trong Công ước Geneva về Lãnh hải và Vùng tiếp giáp năm 1958, một hòn đảo là “một vùng đất được hình thành tự nhiên, bao quanh bởi nước và nổi trên mặt nước khi thủy triều lên”. Xem Điều 10 Công ước. Công ước Luật biển cho đảo thu nhập sao chép lại định nghĩa này về đảo.

[38] ‘Separate Opinion of Judge Oda’, trong JUDGMENT OF 16 MARCH 2001, trang 125; xem tại <http://www.icj-cij.org/docket/files/87/7031.pdf> (truy cập ngày 1/11/2010).

[39] Myres S. McDougal và William T. Burke, *Public Order of the Oceans*, 1962, trang 387-388.

[40] McDougal và Burke, *ibid*, trang 388.

[41] Xem Điều 60 Công ước Luật biển.

[42] Xem tại http://untreaty.un.org/ilc/texts/instruments/english/conventions/8_3_1997.pdf (truy cập ngày 26/9/2010).

[43] Xem Điều 27 Công ước 1997.

[44] Xem Heijmans, chú thích 35, tr. 160; và Nikos Papadakis, 'Artificial Islands in International Law', *Maritime Policy and Management*, Tập 3, 1975, tr. 34.

[45] Xem 'Press release on the 13th ASEAN - CHINA summit', Hà Nội, ngày 29/10/2010, tại http://asean2010.vn/asean_en/news/36/2DA9D9/Press-release-on-the-13th-ASEAN---CHINA-summit (truy cập ngày 1/11/2010).

[46] Điều 121(3) Công ước Luật biển.

[47] Xem Qin và các công s, chú thích 31.

[48] Jon M. Van Dyke, 'Legal Status of Islands with Reference to Article 121(3) of the UN Convention on the Law of the Sea', 9 December 1999, <http://seasteading.org/seasteading.org/localres/misc-articles/DykeLegalStatusOfIslands.html> (truy cập ngày 1/11/2010).

[49] Nt.

[50] 'Declaration of Judge Vereshchetin', trong JUDGMENT OF 16 MARCH 2001, tr. 220; xem tại <http://www.ici-cij.org/docket/files/87/7031.pdf> (truy cập ngày 1/11/2010).

[51] Clive Symmons, 'Some Problems Relating to the Definition of Insular Formations in International Law : Islands and Low-Tide Elevations', *IBRU Maritime Briefing Tập I.1, Quyển 5*, 1995, tr. 3 ; trích dẫn trong Song, chú thích 30, tr. 165.

[52] "Proposal for the inclusion of a supplementary item in the agenda of the

nineteenth Meeting of States Parties: Note verbale dated 21 May 2009 from the Permanent Mission of China to the United Nations addressed to the Secretary-General”, SPLOS/196, ngày 22/5/2009, xem tại <http://daccess-dds-ny.un.org/doc/UNDOC/GEN/N09/346/61/PDF/N0934661.pdf?OpenElement> (truy cập ngày 1/11/ 2010).

[53] Quy định luật biển thêm về vùng biển này, xem Erik Franckx, “The International Seabed Authority and the Common Heritage of Mankind: The Need for States to Establish the Outer Limits of Their Continental Shelf”, *International Journal of Marine and Coastal Law*, Tập 25 (4), 2010, 543-567.

[54] Công hàm của Indonesia có thể xem tại http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submissions_files/mysvnm33_09/idn_2010re_mys_vnm_e.pdf (truy cập ngày 1/11/2010).

[55] Xem ví dụ tại UN Doc. CLCS/64, ngày 1/10/2009, trong đó Ủy ban nêu lên rằng “họ không có nghĩa vụ đối với các vùng biển liên quan tại giới thích đáng tin cậy của 121 của Công ước”. Xem tại <http://daccess-dds-ny.un.org/doc/UNDOC/GEN/N09/536/21/PDF/N0953621.pdf?OpenElement> (truy cập ngày 1/11/2010).

[56] Xem chi tiết tại ‘Maritime Delimitation in the Black Sea (Romania v. Ukraine)’, JUDGMENT OF 3 FEBRUARY 2009, đính kèm là đồ án trang 179-188; có thể xem tại <http://www.icj-cij.org/docket/files/132/14987.pdf> (truy cập ngày 1/11/2010).

[57] Xem “Statement by Rüdiger Wolfrum, President of the ITLOS on the Report of the Tribunal at the 18th Meeting of States Parties to the Convention on the Law of the Sea”, ngày 16/6/2008, tr. 5, xem tại http://www.itlos.org/start2_en.html (truy cập ngày 8/8/2010). Xem thêm khảo luận của Ki-Jun You, “Advisory Opinions of the International Tribunal for the Law of the Sea: Article 138 of the Rules of the Tribunal Revisited”, *Ocean Development and International Law*, Tập 39, 2008, 360-371; và Tafsir Malick Ndiaye, ‘The Advisory Function of the International Tribunal for the Law of the Sea’, *Chinese Journal of International Law*, Tập 9 (3), 2010, 565-587.

[58] Vào ngày 14/5/2010, Phòng Tranh chấp Máy biển của Tòa án Quốc tế về Luật biển (ITLOS) đã nhận được đề nghị đưa ra ý kiến tư vấn đầu tiên. Xem chi tiết tại 'Responsibilities and obligations of States sponsoring persons and entities with respect to activities in the International Seabed Area (Request for Advisory Opinion submitted to the Seabed Disputes Chamber)', có thể xem tại http://www.itlos.org/start2_en.html (truy cập ngày 1/11/2010).

[59] Ví dụ như, theo Oude Elferink, các lựa chọn khác báo gồm một hội nghị ngoại giao, các thủ tục thay thế hoặc một cuộc họp của các chuyên gia. Xem Alex G. Oude Elferink, 'Is it Either Necessary or Possible to Clarify the Provision on Rocks of Article 121 (3) of the Law of the Sea Convention ?' in M.A. Pratt and J.A. Brown (eds.), *Borderlands Under Stress* (London : Kluwer Law International, 2000), 398-399.

[60] Điều 1, Nghị định thư SUA. Văn bản có thể xem tại <http://www.un.org/en/sc/ctc/docs/conventions/Conv9.pdf> (truy cập ngày 29/10 2010).

[61] Bằng cách lấn biển, diện tích của Singapore đã tăng từ 581 km² lên 695 km² từ năm 1966 đến 2003. Xem Kog Yue-Choong, 'Environmental Management and Conflict in Southeast Asia : Land Reclamation and Its Political Impact', IDSS Working Paper Số 101 (Singapore : Institute for Defence and Strategic Studies, Nanyang Technological University, January 2006), tr. 7.

[62] Trong trường hợp này, Ma-lay-xi-a đã cáo buộc Singapore đã vi phạm các quy định của nòng này tại môi trường đánh cá và biển. Chi tiết thêm chi tiết, xem http://www.itlos.org/start2_en.html (truy cập ngày 1/11/2010).

[63] Xem Papadakis, 1975, tại 33

[64] Chúng được gọi là 'đảo nhân tạo' xây dựng từ sỏi hoặc tảng đá và cấu trúc. Dự án bắt đầu vào năm 2001.

[\[65\]](#) Về ý nghĩa pháp lý, xem Erik Jaap Molenaar, 'Airports at Sea: International Legal Implications', *International Journal of Marine and Coastal Law*, Tập 14 (3), 1999, 371-386.